

VAI TRÒ CỦA CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI: BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TẠI CÁC QUỐC GIA

TS. Trần Thị Thanh Hương*

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy với sai số hiệu chỉnh bảng (PCSE) với bộ dữ liệu thu thập từ 51 quốc gia trong giai đoạn 2017-2021 để khám phá ảnh hưởng của việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) và các nhân tố kiểm soát khác tới dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Kết quả nghiên cứu cho thấy việc áp dụng IFRS, GDP bình quân đầu người, tỷ lệ dân số thành thị và chỉ số pháp quyền đóng vai trò quan trọng trong thu hút FDI tại các quốc gia. Từ kết quả thu được, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị đối với chính phủ, bộ ngành nhằm tăng cường các giải pháp thu hút FDI.

• Từ khóa: vai trò của IFRS; vốn FDI; bằng chứng thực nghiệm.

This study employs a regression model with panel-corrected standard errors (PCSE) using data collected from 51 countries during the period 2017–2021 to examine the impact of International Financial Reporting Standards (IFRS) adoption and other control variables on foreign direct investment (FDI). The findings indicate that IFRS adoption, GDP per capita, urban population rate, and the rule of law index play significant roles in attracting FDI. Based on these results, the study provides policy recommendations for governments and relevant ministries to enhance strategies for promoting FDI inflows.

• Key words: role of IFRS; FDI; empirical evidence.

Ngày nhận bài: 26/7/2025

Ngày gửi phản biện: 05/8/2025

Ngày chấp nhận đăng: 29/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i298.20>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế diễn ra mạnh mẽ, dòng vốn FDI ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia. Việc xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến dòng vốn FDI đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả và nhà hoạch định chính sách. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện tại có xu hướng tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô và kinh doanh toàn cầu. Còn khá ít các nghiên cứu khám phá

vai trò của Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (International Financial Reporting Standards-IFRS) đến thu hút FDI tại các quốc gia. IFRS do IASB (International Accounting Standards Board) ban hành nhằm tạo ra ngôn ngữ kế toán chung cho các quốc gia, giúp tăng tính minh bạch, so sánh và đáng tin cậy của thông tin tài chính trên toàn cầu. Hiện tại, các tài liệu kế toán về IFRS chủ yếu quan tâm đến IFRS ở cấp độ doanh nghiệp.

Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khám phá vai trò của việc áp dụng IFRS đến dòng vốn FDI. Kết quả hồi quy với sai số hiệu chỉnh theo phương pháp PCSE (Panel-Corrected Standard Errors) với dữ liệu của 51 quốc gia trong giai đoạn 2017-2021 cho thấy các yếu tố về chuẩn mực kế toán, trình độ phát triển kinh tế, mức độ đô thị hóa và chất lượng thể chế đều đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút FDI.

2. Tổng quan nghiên cứu

Vai trò của việc áp dụng IFRS đến thúc đẩy dòng vốn FDI được thể hiện qua nhiều khía cạnh, cụ thể:

Thứ nhất, IFRS giúp nâng cao mức độ minh bạch trong báo cáo tài chính (BCTC) của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp địa phương áp dụng IFRS, các nhà đầu tư nước ngoài có thể dễ dàng tiếp cận, đọc hiểu và đánh giá thông tin tài chính, từ đó nâng cao niềm tin và khả năng ra quyết định đầu tư. Theo Shima và Gordon (2011), việc hài hòa hóa chuẩn mực kế toán giúp giảm chi phí xử lý thông tin và giảm thiểu tình trạng bất cân

* Học viện Ngân hàng; email: huongtt76@hvn.edu.vn

xứng thông tin. Tương tự, Tweedie và Seidenstein (2005) lập luận rằng IFRS góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư xuyên biên giới nhờ khả năng so sánh giữa các BCTC ở các quốc gia khác nhau. Nhờ đó, nhà đầu tư có thể đánh giá cơ hội đầu tư một cách công bằng và hiệu quả hơn.

Thứ hai, áp dụng IFRS giúp giảm rủi ro thông tin và chi phí giao dịch. Việc áp dụng IFRS góp phần chuẩn hóa cách trình bày thông tin tài chính, từ đó giảm thiểu sự thiếu đồng nhất giữa các hệ thống kế toán. Điều này giúp nhà đầu tư giảm thiểu rủi ro do thông tin không rõ ràng hoặc gian lận kế toán. Theo Bushman và cộng sự (2004), tính minh bạch cao hơn sẽ giúp giảm rủi ro đại diện thông qua việc công bố chi tiết hơn về: giao dịch liên kết, rủi ro tài chính, chính sách kế toán, cũng như tình trạng thực tế của tài sản và nợ phải trả. Việc này làm giảm chi phí giám sát và tăng cường lòng tin của nhà đầu tư.

Thứ ba, áp dụng IFRS làm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế. Các doanh nghiệp áp dụng IFRS thường dễ tiếp cận hơn với các nguồn vốn quốc tế như vay vốn từ ngân hàng nước ngoài hoặc phát hành cổ phiếu ra thị trường quốc tế. Việc áp dụng IFRS được xem là một tín hiệu tích cực, thể hiện cam kết minh bạch tài chính, năng lực quản trị và mong muốn hội nhập quốc tế của doanh nghiệp hoặc quốc gia. Theo Portes và Rey (2005), các nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng ưu tiên thị trường có thông tin tài chính chất lượng cao, cho phép họ đánh giá triển vọng đầu tư với chi phí thấp hơn. Doanh nghiệp chủ động triển khai IFRS cũng thường là các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực, từ đó dễ dàng thu hút FDI chất lượng cao.

Thứ tư, IFRS giúp giảm bất cân xứng thông tin. Theo Yu (2010) và DeFond và cộng sự (2011), sự hài hòa kế toán quốc tế thông qua IFRS giúp giảm bất cân xứng thông tin giữa người cho vay và người đi vay, đồng thời cải thiện khả năng đánh giá, so sánh hiệu suất của các doanh nghiệp ở các quốc gia khác nhau. Từ đó, IFRS không chỉ hỗ trợ phân tích tín dụng mà còn tăng cường độ tin cậy của các chỉ tiêu đánh giá đầu tư quốc tế. Các cơ quan quản lý vì thế kỳ vọng rằng IFRS sẽ đóng vai trò nền tảng trong việc tăng cường tính minh bạch, thúc đẩy đầu tư xuyên biên giới.

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra vai trò của IFRS trong việc thúc đẩy FDI. Gordon, Loeb và Zhu (2012) sử dụng dữ liệu từ

124 quốc gia trong giai đoạn 1996–2009 cho thấy việc áp dụng IFRS làm tăng dòng vốn FDI, đặc biệt rõ nét tại các quốc gia đang phát triển. Nejad, Ahmad, & Rahim (2018) sử dụng một mẫu bao gồm 10 nước ASEAN từ năm 2001 đến năm 2016 để kiểm định vai trò của IFRS đến dòng vốn FDI. Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng cho thấy IFRS là một yếu tố quan trọng quyết định dòng vốn FDI. Nghiên cứu của Gu và Prah (2020) với dữ liệu từ 12 nền kinh tế đang phát triển giai đoạn 1996–2018 cũng cho thấy việc áp dụng IFRS thúc đẩy dòng vốn FDI, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Chen, Ding và Xu (2014) với dữ liệu FDI song phương từ 30 quốc gia OECD (2000–2005) cũng chỉ ra rằng sự hội tụ chuẩn mực kế toán quốc tế giúp cải thiện khả năng tiếp cận FDI tại các quốc gia áp dụng IFRS.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, để đánh giá tác động của việc **áp dụng IFRS** đến FDI **tác giả đề xuất** mô hình nghiên cứu như sau:

$$FDI_{it} = \beta_0 + \beta_1 IFRS_{it} + \beta_2 GDPPC_{it} + \beta_3 UP_{it} + \beta_4 POL_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó: *FDI* là dòng vốn FDI; *IFRS* là biến độc lập (*IFRS* = 1 nếu quốc gia áp dụng *IFRS*, *IFRS* = 0 nếu ngược lại). Các biến kiểm soát trong mô hình gồm: *GDPPC* là GDP bình quân đầu người; *UP* là tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị; *POL* là chỉ số pháp quyền; ε là sai số ngẫu nhiên; *i* là quốc gia, *t* là năm.

Các biến kiểm soát được đưa vào mô hình nhằm đảm bảo ước lượng chính xác tác động riêng của *IFRS* đến dòng vốn *FDI*. *GDPPC* phản ánh mức độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Các quốc gia có GDP bình quân đầu người cao thường đi kèm với hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển, mức tiêu dùng lớn và môi trường kinh doanh ổn định hơn, từ đó có khả năng thu hút nhiều FDI hơn. Nghiên cứu của Saha, Sadekin & Saha (2022) tại 28 quốc gia có thu nhập trung bình thấp cho thấy *GDPPC* tác động tích cực tới FDI. *UP* đại diện cho mức độ đô thị hóa, phản ánh sự phát triển về cơ sở hạ tầng, dịch vụ công, và mức độ tập trung dân cư - những yếu tố có thể tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, vận hành và tiếp cận thị trường của doanh nghiệp FDI. Bhattacharya và cộng sự (2023) cũng cho rằng đô thị hóa là một động lực phát triển kinh tế và thu hút FDI. *POL* (chỉ số pháp quyền) đo lường mức độ tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong một

quốc gia. Một quốc gia có chất lượng thể chế pháp lý tốt sẽ tạo ra môi trường đầu tư minh bạch, công bằng và ít rủi ro hơn-những yếu tố được nhà đầu tư nước ngoài đánh giá cao. Sabir, Rafique & Abbas (2019) cũng chỉ ra chất lượng thể chế có tác động tích cực đến FDI ở tất cả các nhóm quốc gia.

Bảng 1: Đo lường các biến trong mô hình

Biến	Ký hiệu	Đo lường	Đơn vị tính
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	FDI	Dòng vốn FDI (theo cân cán thanh toán, tính theo USD hiện hành)	USD
Áp dụng IFRS	IFRS	Quốc gia có áp dụng IFRS hay không	Bảng 1 nếu có áp dụng, ngược lại bằng 0
GDP bình quân đầu người	GDPPC	GDP bình quân đầu người (tính theo giá so sánh 2015)	USD/người
Tỷ lệ dân số thành thị	UP	Tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị trong tổng dân số	%
Chỉ số pháp quyền	POL	Xếp hạng phần trăm của một quốc gia về mức độ pháp quyền so với tất cả các quốc gia trong tập dữ liệu WGI	%

3.2. Nguồn dữ liệu

Theo điều kiện số liệu có thể thu thập được, mẫu nghiên cứu bao 51 quốc gia trong giai đoạn 2017-2021. Các dữ liệu phản ánh GDP bình quân đầu người (GDPPC), tỷ lệ dân số thành thị (UP) được tác giả thu thập từ nguồn dữ liệu mở của Ngân hàng Thế giới; dữ liệu phản ánh chỉ số pháp quyền (POL) được tác giả thu thập từ Chỉ số quản trị toàn cầu của Ngân hàng Thế giới (WGI). Dữ liệu phản ánh việc áp dụng IFRS của các quốc gia được tác giả thu thập từ tập dữ liệu do Song và Trimble (2022) biên soạn.

4. Kết quả ước lượng và thảo luận kết quả

4.1. Kết quả ước lượng

Thống kê mô tả các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu được trình bày ở Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Thống kê mô tả

Các biến	Số quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
FDI	255	-64648352413,5	344074977062,5	11567018747,0	39569164113,4
GDPPC	255	422,9	67638,6	10159,3	13699,6
UP	255	16,7	100,0	57,4	21,6
POL	255	7,1	98,6	44,6	23,3
IFRS	Chưa áp dụng 26 (10,2%) Đã áp dụng 229 (89,8%)				

Nguồn: Xử lý của tác giả

Để ước lượng ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS đến dòng vốn FDI, tác giả sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng với sai số hiệu chỉnh theo phương pháp PCSE. Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được các vấn đề về tương quan và phương sai thay đổi trong dữ liệu bảng, từ đó đưa ra các ước lượng hệ số hồi quy không bị chệch và đáng tin cậy hơn.

Bảng 3. Kết quả ước lượng

Các biến	PCSE
IFRS	2,56e+09
	(6,21e+08)***
GDPPC	393337,6
	(95321,46)***
UP	1,39e+08
	(1,75e+07)***
POL	1,11e+08
	(5,21e+07)**
Hệ số chặn	-7,62e+09
	(1,74e+09)***
Wald chi2(4)	1240,48
Prob > chi2	0,000
Số quan sát	255

Ghi chú: *** P-value < 0,01; ** P-value < 0,05; * P-value < 0,1; Sai số chuẩn được thể hiện trong dấu ngoặc

Nguồn: Xử lý của tác giả

Kết quả kiểm định tại Bảng 3 cho thấy Wald chi2 = 1240,48 và p-value = 0,000. Như vậy, mô hình có ý nghĩa thống kê cao, các biến trong mô hình được lựa chọn phù hợp và có khả năng giải thích tốt sự biến thiên của dòng vốn FDI giữa các quốc gia.

Kết quả ước lượng theo phương pháp PCSE tại Bảng 3 cho thấy việc áp dụng IFRS có vai trò quan trọng trong thu hút vốn FDI tại các quốc gia. Các quốc gia áp dụng IFRS có xu hướng thu hút thêm FDI so với các quốc gia không áp dụng. GDP bình quân đầu người (GDPPC) cũng có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến FDI. Điều này phản ánh mức độ phát triển kinh tế là những yếu tố then chốt trong quyết định đầu tư của các nhà đầu tư quốc tế. Đáng chú ý, tỷ lệ dân số thành thị (UP) có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê cao cho thấy quá trình đô thị hóa đóng vai trò thiết yếu trong việc thu hút dòng vốn FDI. Chất lượng thể chế (POL), được đo lường thông qua các chỉ số pháp quyền cũng có tác động tích cực đến FDI. Điều này cũng củng cố nhận định trong các nghiên cứu trước rằng một môi trường thể chế ổn định, minh bạch và có khả năng thực thi pháp luật hiệu quả là điều kiện quan trọng trong thu hút vốn FDI.

4.2. Thảo luận kết quả

Việc áp dụng IFRS có tác động tích cực đến thu hút FDI. IFRS giúp tăng tính minh bạch, so sánh thông tin tài chính, giảm chi phí thông tin cho nhà đầu tư nước ngoài. Việc một quốc gia áp dụng IFRS đồng nghĩa với việc nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và độ tin cậy của hệ thống

BCTC. Điều này có thể làm giảm chi phí tìm kiếm thông tin và rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho dòng vốn đầu tư xuyên biên giới. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước như Chen et al. (2014) và Gordon et al. (2012), những nghiên cứu đã chỉ ra rằng IFRS không chỉ nâng cao chất lượng thông tin kế toán mà còn tạo ra tín hiệu tích cực về cam kết hội nhập tài chính và thể chế của quốc gia áp dụng, từ đó thúc đẩy dòng vốn FDI.

GDP bình quân đầu người có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%, cho thấy mức độ phát triển kinh tế có ảnh hưởng tích cực đến FDI. GDP bình quân đầu người cao phản ánh một nền kinh tế có sức mua lớn, cơ sở hạ tầng phát triển và lực lượng lao động chất lượng cao - những yếu tố rất hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả này cũng tương đồng với Saha, Sadekin & Saha (2022) khi chỉ ra các quốc gia có tiềm năng thị trường lớn sẽ có lợi thế trong việc thu hút FDI theo định hướng thị trường.

Tỷ lệ dân số thành thị có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê cho thấy mức độ đô thị hóa là một yếu tố tích cực đối với thu hút FDI. Kết quả nghiên cứu phù hợp với Bhattacharya và cộng sự (2023) khi chỉ ra vai trò của đô thị hóa trong việc thu hút FDI. Đô thị hóa thường đi kèm với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, thị trường lao động dồi dào, dễ tuyển dụng và chi phí giao dịch thấp hơn.

Chỉ số pháp quyền có tác động tích cực tới FDI cho thấy cải thiện chất lượng thể chế có tác động tích cực đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Kết quả này cũng củng cố các bằng chứng thực nghiệm từ nghiên cứu của Sabir, Rafique & Abbas (2019), chỉ ra rằng chất lượng thể chế là một trong những yếu tố nền tảng giải thích sự phân bổ FDI giữa các quốc gia.

5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu này sử dụng mô hình hồi quy PCSE với bộ dữ liệu của 51 quốc gia trong giai đoạn 2017-2021 để khám phá ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS và các nhân tố kiểm soát khác tới FDI. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố về chuẩn mực kế toán, trình độ phát triển kinh tế, mức độ đô thị hóa và chất lượng thể chế đều đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút FDI. Như vậy, để tăng cường thu hút hơn FDI trong thời gian tới, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, các quốc gia cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp. Các cơ quan chức năng cần tiếp tục đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi sang IFRS, đặc biệt với các doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp FDI. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nhân lực kế toán-kiểm toán để đảm bảo chất lượng triển khai IFRS.

Thứ hai, Chính phủ cần tiếp tục thực hiện các chính sách thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao năng suất lao động và phát triển công nghiệp có giá trị gia tăng cao nhằm cải thiện mức sống và sức hấp dẫn của nền kinh tế đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, các quốc gia cần quản lý và định hướng đô thị hóa một cách hợp lý. Việc phát triển các đô thị cần đi kèm với đầu tư vào cơ sở hạ tầng, dịch vụ công và chất lượng sống. Cần tránh hiện tượng đô thị hóa tự phát, gây quá tải cho hệ thống hạ tầng, làm giảm sức hút đầu tư.

Cuối cùng, chính phủ cần quan tâm hơn nữa đến cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Cần đơn giản hóa hơn nữa thủ tục hành chính, minh bạch hóa thông tin và bảo vệ quyền sở hữu của nhà đầu tư nhằm xây dựng niềm tin và khuyến khích FDI dài hạn.

Tài liệu tham khảo:

- Bhattacharya, M., Behera, S. R., Dash, D. P., & Apergis, N. (2023). FDI inflows and urbanization: A cross-country comparison from Asia, Africa and Latin America. *Global Business Review*, 09721509231185829.
- Bushman, R. M., Piotroski, J. D., & Smith, A. J. (2004). What determines corporate transparency?. *Journal of accounting research*, 42(2), 207-252.
- Chen, C. J., Ding, Y., & Xu, B. (2014). Convergence of accounting standards and foreign direct investment. *The International Journal of Accounting*, 49(1), 53-86.
- DeFond, M., Hu, X., Hung, M., & Li, S. (2011). The impact of mandatory IFRS adoption on foreign mutual fund ownership: The role of comparability. *Journal of accounting and economics*, 51(3), 240-258.
- Gordon, L. A., Loeb, M. P., & Zhu, W. (2012). The impact of IFRS adoption on foreign direct investment. *Journal of accounting and public policy*, 31(4), 374-398.
- Gu, S., & Prah, G. J. (2020). The effect of International Financial Reporting Standards on the association between foreign direct investment and economic growth: Evidence from selected countries in Africa. *Journal of Accounting, Business and Finance Research*, 8(1), 21-29.
- Nejad, M. Y., Ahmad, A., & Rahim, R. A. (2018). International financial reporting standards foreign direct investment in asean countries. *Gadjah Mada International Journal of Business*, 20(3), 303-329.
- Portes, R., & Rey, H. (2005). The determinants of cross-border equity flows. *Journal of international Economics*, 65(2), 269-296.
- Tweedie, D., & Seidenstein, T. R. (2004). Setting a global standard: The case for accounting convergence. *Nw. J. Int'l L. & Bus.*, 25, 589.
- Sabir, S., Rafique, A., & Abbas, K. (2019). Institutions and FDI: evidence from developed and developing countries. *Financial Innovation*, 5(1), 1-20.
- Saha, S., Sadekin, M. N., & Saha, S. K. (2022). Effects of institutional quality on foreign direct investment inflow in lower-middle income countries. *Heliyon*, 8(10).
- Song, X., & Trimble, M. (2022). The historical and current status of global IFRS adoption: Obstacles and opportunities for researchers. *The International Journal of Accounting*, 57(02), 2250001.